

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Bản án số: 763/2020/HNGĐ-ST

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày: 25/8/2020

V/v : Tranh chấp ly hôn giữa chị A  
và anh T

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Duy Minh Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Tuyên – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Phương A; Sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Số 1225/50 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Bị đơn:** Ông Trần Thiết T; Sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số 1491/18/11 đường F, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương A trình bày:

Chị A và anh Trần Thiết T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn số 91, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 05/6/2009. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị A và anh T bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình và thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với chị A. Mặc dù đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Chị A đã không còn chung sống với anh T từ năm 2015 cho đến nay. Do đó, chị Anh nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn anh T.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Thiết M, sinh ngày 10/8/2009 và Trần Thị Anh N, sinh ngày 07/5/2011.

Chị Anh giao hai con chung cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng do hiện nay hai con chung đang sinh sống ổn định với anh T và chị A đang có khó khăn về chỗ ở. Chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật lần lượt hàng tháng cho đến khi con chung lần lượt thành niên.

Về tài sản chung: Chị A tự xác định giữa chị A và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A tự xác định giữa chị A và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Phương A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Thiết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Anh T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Phương A có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Phương A thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là anh Trần Thiết T hiện đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Chị Phạm Thị Phương A và anh Trần Thiết T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 05/6/2009, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị A, chị A trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị A và anh T bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình. Dù chị A đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, cả hai không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị A là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện anh T không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Anh là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có hai con chung tên: Trần Thiết M, sinh ngày 10/8/2009 và Trần Thị Anh N, sinh ngày 07/5/2011 hiện nay đang sinh sống cùng anh T.

Chị A giao anh T tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung Thiết M và Anh N sau khi ly hôn do hiện nay chị A đang có khó khăn về chỗ ở, không đảm bảo nơi cư trú cho các con. Chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật lần lượt hàng tháng cho đến khi con chung lần lượt thành niên. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngày 24/6/2020, cả hai trẻ Thiết M và Anh N đến Tòa án thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng cha để thuận lợi cho việc học hành.

Xét yêu cầu của chị A, ý kiến của các cháu Thiết M, Anh N là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao hai con chung Thiết M và Anh N cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ghi nhận việc chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật lần lượt hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A tự khai giữa chị A và anh T không có tài sản chung và không nợ gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của anh T về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Phương A được ly hôn với anh Trần Thiết T.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có hai con chung tên: Trần Thiết M, sinh ngày 10/8/2009 và Trần Thị Anh N, sinh ngày 07/5/2011.

Giao hai con chung Thiết M và Anh N cho anh Trần Thiết T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị Phạm Thị Phương A cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng. Cấp dưỡng nuôi cả hai con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mỗi tháng. Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật lần lượt hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị A không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì chị A còn phải trả thêm cho anh T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị A có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con chung) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Phạm Thị Phương A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0043563 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị A còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Chị A, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lương Duy Minh Chính**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.